

NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA

TÊN GỌI TÒA NHÀ Ở HÀ NỘI DƯỚI GÓC NHÌN CỦA NGÔN NGỮ HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ LY NA*

TÓM TẮT: Bài viết nghiên cứu thực trạng đặt tên các tòa nhà tại Hà Nội dựa trên lý thuyết Cảnh quan ngôn ngữ (Linguistic Landscape), Ngôn ngữ học xã hội và Địa danh học đô thị (Urban Toponymy). Thông qua việc khảo sát và phân loại hệ thống tên gọi các tòa nhà trên toàn địa bàn thủ đô Hà Nội, tác giả chỉ ra xu hướng dịch chuyển từ tên gọi thuần Việt/ Hán Việt sang tên gọi ngoại lai (chủ yếu là tiếng Anh). Hiện tượng này vay mượn từ ngữ, sử dụng một cách ồ ạt tên gọi nước ngoài không chỉ phản ánh chiến lược thương mại, tư duy sính ngoại, phân tầng xã hội mà còn bộc lộ những bất cập trong việc thực thi chính sách ngôn ngữ và quản lý đô thị hiện nay. Từ đó, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm hài hòa giữa xu thế hội nhập, giữ gìn và phát triển tiếng Việt, bảo tồn bản sắc văn hóa - ngôn ngữ của Thủ đô.

TỪ KHÓA: Cảnh quan ngôn ngữ; địa danh học đô thị; tên tòa nhà Hà Nội; chính sách ngôn ngữ; ngôn ngữ học xã hội.

NHẬN BÀI: 12/06/2026.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 10/08/2026

1. Đặt vấn đề

1.1. Quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ tại Hà Nội trong hai thập kỷ qua đã làm thay đổi sâu sắc diện mạo không gian sống của Thủ đô. Sự xuất hiện của hàng ngàn tòa nhà chung cư, khu đô thị mới đã hình thành nên một hệ thống địa danh nhân tạo (Micro-toponyms) phong phú. Trong ngôn ngữ học hiện đại, địa danh không thuần túy là những kí hiệu mang chức năng định vị địa lí hay chỉ đường, mà chúng là “hóa thạch văn hóa”, là tấm gương phản chiếu sinh động các đặc trưng kinh tế, tâm lí xã hội, và tư duy thẩm mỹ của một cộng đồng trong một giai đoạn lịch sử nhất định.

Hiện nay, bức tranh tên gọi các tòa nhà tại Hà Nội đang thể hiện sự đa dạng nhưng cũng đầy xung đột giữa việc lựa chọn yếu tố bản địa và ngoại lai, giữa ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt và ngôn ngữ toàn cầu (tiếng Anh). Xu hướng tiếng Anh hoá tên gọi đang diễn ra mạnh mẽ, đặt ra nhiều câu hỏi lớn dưới góc độ Ngôn ngữ học xã hội và Chính sách ngôn ngữ. Việc nghiên cứu một cách hệ thống thực trạng này là thực sự cần thiết nhằm làm rõ bức tranh cảnh quan ngôn ngữ đô thị, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoàn thiện các quy định pháp lí về quản lý ngôn ngữ tại Thủ đô.

1.2. Lý thuyết về Cảnh quan ngôn ngữ của Landry & Bourhis (1997) đã khẳng định rằng ngôn ngữ xuất hiện trên các biển hiệu công cộng, tên đường, tên tòa nhà tại một không gian đô thị cấu thành nên không gian ngôn ngữ của vùng đất đó. Cảnh quan ngôn ngữ có hai chức năng chính: chức năng thông tin (chỉ dẫn địa lí, sở hữu) và chức năng biểu tượng (phản ánh vị thế, quyền lực của các ngôn ngữ và căn tính văn hóa của cộng đồng). Tên tòa nhà, với tư cách là một thành tố cốt lõi của địa danh học đô thị, chính là những chỉ dấu trực quan nhất thể hiện sự tương tác giữa các ngôn ngữ trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay. Dưới góc nhìn của ngôn ngữ học xã hội, ngôn ngữ biến đổi theo sự phân tầng xã hội. Việc lựa chọn từ ngữ, ngôn ngữ (tiếng Việt - ngôn ngữ quốc gia, tiếng Anh, ngoại ngữ, hay song ngữ) để đặt tên cho một tòa nhà luôn gắn liền với việc lựa chọn và định vị phân khúc khách hàng để thiết lập nên một thứ hạng trong xã hội. Dưới góc độ ngôn ngữ học văn hóa, tên gọi là sự kết tinh của tư duy, tâm lí tộc người và các giá trị tinh thần. Sự chuyển dịch một cách nhanh chóng trong cách đặt tên phản ánh sự thay đổi trong hệ giá trị của cư dân đô thị trong một bối cảnh văn hoá xã hội đã có nhiều thay đổi đặt ra nhiều thách thức mà các nhà quản lý cần phải đối mặt và đưa ra các giải pháp phù hợp để cảnh quan ngôn ngữ ở thủ đô vừa hội nhập nhưng vẫn giữ được vị thế của tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ quốc gia.

*TS; Viện Ngôn ngữ học; Email: lyna46lig@gmail.com

2. Một số vấn đề chung

2.1. Cơ sở lý thuyết

a. Cảnh quan ngôn ngữ (Linguistic Landscape) và Địa danh học đô thị

Lý thuyết về Cảnh quan ngôn ngữ (Landry & Bourhis, 1997) khẳng định rằng ngôn ngữ xuất hiện trên các biển hiệu công cộng, tên đường, tên tòa nhà tại một không gian đô thị cấu thành nên không gian ngôn ngữ của vùng đất đó. Cảnh quan ngôn ngữ mang hai chức năng chính: chức năng thông tin (chỉ dẫn địa lý, sở hữu) và chức năng biểu tượng (phản ánh vị thế, quyền lực của các ngôn ngữ và căn tính văn hóa của cộng đồng). Tên tòa nhà chung cư, với tư cách là một thành tố cốt lõi của địa danh học đô thị, chính là những chỉ dấu trực quan nhất thể hiện sự tương tác giữa các ngôn ngữ trong bối cảnh toàn cầu hóa.

b. Ngôn ngữ học xã hội và Ngôn ngữ học văn hóa

Dưới góc nhìn của Ngôn ngữ học xã hội, ngôn ngữ biến đổi dưới sự tác động của các nhân tố xã hội. Việc lựa chọn từ ngữ, ngôn ngữ (tiếng Việt, ngoại ngữ (phần nhiều là tiếng Anh), hay song ngữ, tiếng Việt kèm kí tự và chữ số) để đặt tên cho một công trình luôn gắn với các nguyên nhân xã hội, trong đó có việc định vị phân khúc khách hàng và thiết lập các tầng lớp trong xã hội. Dưới góc độ Ngôn ngữ học văn hóa, tên gọi là sự kết tinh của tư duy, tâm lý tộc người và các giá trị tinh thần. Sự chuyển dịch trong cách đặt tên phản ánh sự thay đổi trong hệ giá trị của cư dân đô thị trong một bối cảnh văn hoá xã hội đã có nhiều thay đổi dưới tác động của toàn cầu hoá, cách mạng công nghệ 4.0 và vấn đề di cư.

2.2. Phương pháp nghiên cứu và Ngữ liệu khảo sát

Nghiên cứu áp dụng phương pháp mô tả, thủ pháp thống kê, phân loại để phân chia các kiểu tên gọi tòa nhà tại Hà Nội (dựa trên danh mục dữ liệu khảo sát theo từng quận và tổng thể toàn thành phố, tư liệu trước ngày 1/7 năm 2025 khi chưa sáp nhập và thực hiện hệ thống hành chính hai cấp).

Ngữ liệu được phân tích dựa bao gồm 515 tên gọi tòa nhà ở Hà Nội. Dựa trên cấu trúc ngữ pháp, nguồn gốc từ vựng (Thuần Việt, Hán - Việt, ngoại ngữ, hỗn hợp) và ứng dụng các lý thuyết của ngôn ngữ học xã hội, địa danh học và ngôn ngữ học văn hoá để chỉ ra bức tranh về tên gọi tòa nhà ở Hà Nội, phân tích và làm rõ những hàm ý văn hoá - xã hội đằng sau cách đặt tên tòa nhà ở thủ đô Hà Nội.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Tổng hợp kết quả thống kê

Dựa trên tư liệu gồm 515 tên gọi tòa nhà ở Hà Nội đến trước tháng 7 năm 2025 chúng tôi đã phân loại thành 4 kiểu loại tên gọi tòa nhà như sau: 1/Tên gọi bằng tiếng Việt; 2/Tên gọi chỉ bằng tiếng nước ngoài (chủ yếu là tên gọi bằng tiếng Anh); 3/Tên gọi hỗn hợp gồm tiếng Việt và tiếng nước ngoài, cụ thể trong đó có kiểu đặt tên tiếng Việt trước, tiếng nước ngoài sau và kiểu đặt tên tiếng nước ngoài trước, tiếng Việt sau; 4/Tên gọi sử dụng chữ cái viết tắt, con số.

Bảng 1. Các kiểu tên gọi tòa nhà ở Hà Nội

Thứ tự	Các kiểu tên gọi	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Tên gọi tiếng Việt	139	26,99
2	Tên gọi hỗn hợp	107	20,78
2.1	Tiếng Việt trước + tiếng nước ngoài sau	64	12,43
2.2	Tiếng nước ngoài trước + tiếng Việt sau	43	8,35
3	Tên gọi chỉ tiếng nước ngoài	215	41,74
	Tiếng Anh	173	33,59
	Tiếng Pháp	21	4,08
	Tiếng Hàn	12	2,33
	Tiếng Nhật	9	1,75
4	Tên gọi sử dụng chữ cái viết tắt và con số	54	10,49
	TỔNG	515	100%

3.2. Các tên gọi phân theo sử dụng ngôn ngữ

3.2.1. Tên gọi toà nhà bằng tiếng Việt

Nhìn vào bảng số liệu và tỉ lệ ở trên chúng tôi thấy rằng tên gọi toà nhà bằng tiếng Việt có số lượng 139/515 tên gọi toà nhà ở Hà Nội và chỉ chiếm tỉ lệ 29,99%. Kiểu đặt tên này có mô hình sắp xếp theo quy tắc ngữ pháp tiếng Việt, bao gồm: yếu tố chung (danh từ chỉ loại hình) đứng trước + yếu tố riêng (định danh riêng) đứng sau. Kiểu này được cấu tạo theo 4 tiểu mô hình sau:

Mô hình 1A: tên gọi đặt theo địa danh. Ví dụ: *Quán Thánh, Định Công, Kim Liên, Thành Công, Nam Đồng, Trung Tự, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hoàng Cầu,...* Cách đặt tên này chủ yếu là các khu tập thể cũ của Hà Nội được xây dựng từ những năm 1960 đến khoảng trước năm 1990. Đây là mô hình sử dụng tên của các làng cổ, vùng đất hoặc đơn vị hành chính nơi khu tập thể đó được xây dựng để làm tên gọi chính thức. Những tên gọi giúp lưu giữ kí ức về vùng đất nông nghiệp cũ trước khi bị đô thị hóa.

Mô hình 1B: Tên gọi đặt tên theo cơ quan, nhà máy và bộ ngành sở hữu. Ví dụ: *Cơ khí, Thuốc lá Thăng Long, Tư pháp, Báo Nhân dân, Báo công an nhân dân, Thông tấn xã Việt Nam, Rạng Đông,...* Các toà nhà này được phân phối theo tiêu chuẩn nghề nghiệp. Cơ quan nào chủ trì xây dựng thì khu tập thể sẽ mang tên của chính cơ quan, nhà máy đó. Ngôn ngữ sử dụng toàn bằng tiếng Việt, mang tính chất định danh tập thể, phản ánh trực tiếp cấu trúc kinh tế - xã hội. Cách đặt tên này rất dễ dàng để xác định quyền sở hữu và phân phối phúc lợi. Đồng thời, mô hình này tạo ra sự đồng nhất tuyệt đối về thành phần người dân vì chính họ vừa là đồng nghiệp ở cơ quan, vừa là hàng xóm ở nhà.

Mô hình 1C (Phức hợp địa chỉ hành chính): Loại hình + Số nhà/ Số ngõ + Tên đường. Ví dụ: *134 Quán Thánh, 90 Nguyễn Tuân, 69 Vũ Trọng Phụng, 16B Nguyễn Thái Học (Hà Đông),...* Mô hình này gồm số nhà hoặc số ngõ gạch kèm chữ cái phân khu (nếu có) như 134, 90, 69, 16B và tên đường, tên phố hoặc tên danh nhân lịch sử. Đây là thành tố đặc biệt mang tính chất toán học và địa chính, không có nghĩa từ vựng nhưng có giá trị định vị tuyệt đối rất thuận lợi cho việc tìm kiếm địa điểm của người dân.

Mô hình 1D (gắn với ý niệm ngợi ca, niềm tin và hi vọng): Loại hình + Từ ngữ Hán-Việt chỉ sự an lành/ thịnh vượng. Ví dụ: *An Bình, Bảo An, An Sinh, Hòa Bình, Huy Hoàng,...* Phần lớn tên gọi toà nhà này đã sử dụng lớp từ Hán Việt, lớp từ ngữ đã được thâm nhập sâu sắc vào tiếng Việt, nên rất gần gũi với cộng đồng người Việt. Cấu trúc ngữ pháp thuận tai, rõ ràng, không gây rào cản tiếp nhận cho người dân đang sinh sống tại thủ đô. Chính những tên gọi bằng tiếng Việt có ý nghĩa như thế này đã tạo cảm giác chính thống, an tâm, bền vững và gần gũi với tâm lí số đông người dân.

3.2.2. Tên gọi toà nhà bằng tiếng nước ngoài

Kiểu đặt tên toà nhà này có số lượng rất lớn 215/515 toà nhà, chiếm tỉ lệ áp đảo 41,74%.

Kiểu đặt tên này đảo ngược hoàn toàn trật tự cú pháp tiếng Việt, áp dụng quy tắc ngữ pháp của ngôn ngữ mượn (chủ yếu là tiếng Anh): Tính từ/ Định ngữ bổ nghĩa đứng trước + Danh từ trung tâm (loại hình) đứng sau.

Mô hình 2A: Tên tiếng Anh/ tiếng nước ngoài (bằng chữ Latinh) + từ chỉ loại toà nhà (City/ Lane/ Avenue/...). Ví dụ:

Ở khu đô thị Trung Hoà - Nhân Chính với các tên gọi như: *Diamond Flower Tower* là tòa nhà hỗn hợp văn phòng và căn hộ nổi bật tại ngã tư Lê Văn Lương - Hoàng Đạo Thúy.

Mandarin Garden: Tổ hợp căn hộ cao cấp do Hòa Bình Group xây dựng tại khu vực Hoàng Đạo Thúy.

The Legend là tòa chung cư cao cấp nằm trên đường Nguyễn Tuân thuộc không gian mở rộng của khu vực.

Khu đô thị Linh Đàm có các toà như: *Rainbow, Rice city, Melody, Twin Tower, Hudland Tower,...*

Đường Lê Văn Lương có các toà nhà tên gọi cũng toàn sử dụng tiếng Anh như: *The Golden Palm, Starcity, Center Point, Red River Building,...*

Mô hình 2B (Tiền tố quý tộc/ Ngoại ngữ khác): Tiền tố ngoại (D', Roman, Hinode...) + Thành tố định danh ngoại. Ví dụ: *D'. Le Roi Soleil* (59 Xuân Diệu), *D'. Palais de Louis* (số 6 Nguyễn Văn Huyền), *Roman Plaza* (đường Tô Hữu), *Hinode City* (201 Minh Khai),...

Về đặc điểm hình thức của tên gọi, tên gọi sử dụng tiếng nước ngoài chủ yếu là tiếng Anh và các ngôn ngữ khác sử dụng 100% hệ chữ viết Latinh của nước ngoài. Cú pháp đòi hỏi người đọc phải có tri thức nền về ngoại ngữ để hiểu, phải đọc từ phải sang trái theo cụm danh từ tiếng Anh. Cách đặt tên này có thể coi là công cụ đắc lực của hiện tượng thương mại hóa địa danh. Với cách đặt tên này đã tạo ra một diện mạo khác biệt trong khu đô thị, trên các đường phố của thủ đô Hà Nội. Dường như với cách đặt tên này đã tạo thành các “bộ lọc giai cấp” bằng ngôn ngữ, đánh mạnh vào tâm lý hướng thượng, chuộng sự xa xỉ, vương giả phương Tây của tầng lớp người giàu và người giàu mới nổi, giúp chủ đầu tư nâng tầm giá trị bất động sản.

3.2.3. Tên gọi hỗn hợp kết hợp giữ tiếng Việt và tiếng nước ngoài

Đây là kiểu đặt tên tạo ra một không gian ngôn ngữ hỗn hợp (Hybrid), kết hợp các thành tố ngôn ngữ khác nhau vào chung một chỉnh thể định danh. Kiểu này phân hóa thành 2 biến thể đối lập nhau. Kiểu đặt tên toà nhà này có số lượng là 107 chiếm 20,78%.

Tên gọi hỗn hợp: Tiếng Việt đứng trước, tiếng nước ngoài đứng sau

Kiểu đặt tên toà nhà này có số lượng 64/515 toà nhà, chiếm tỉ lệ là 12,43%.

Mô hình cấu tạo: Loại hình (nếu có) + địa danh tiếng Việt/ thương hiệu tiếng Việt + yếu tố tiếng nước ngoài (Residences/Tower/Plaza/Complex...).

Xét về mặt hình thức: giữ nguyên trật tự từ pháp tiếng Việt ở về đầu (địa danh chính nằm ở phía trước), nhưng lại ngoại ngữ hóa phần sau bằng một danh từ chỉ tính chất công trình bằng tiếng Anh ở phía sau. Ví dụ:

Ở khu đô thị Mỹ Đình có các tên toà nhà sau:

Mỹ Đình Plaza là tổ hợp căn hộ và văn phòng tọa lạc tại khu vực đường Trần Bình, ngay sát khu đô thị Mỹ Đình.

Mỹ Đình Plaza 2: Dự án chung cư hiện đại nằm trên đường Nguyễn Hoàng.

Mỹ Đình Pearl: Tổ hợp căn hộ cao cấp và văn phòng nằm ở cửa ngõ khu đô thị, ngay ngã ba Đại lộ Thăng Long và Châu Văn Liêm.

Sông Đà Tower: Tòa nhà văn phòng và chung cư thuộc Tập đoàn Sông Đà, nằm trên đường Phạm Hùng, Hưng và Phạm Hùng).

Ở khu đô thị Long Biên: *Long Biên central, Khai Sơn city, Mipec Riverside Long Biên, ...*

Tên gọi hỗn hợp: tiếng nước ngoài đứng trước, tiếng Việt đứng sau

Mô hình cấu tạo: Loại hình (nếu có) + tên tập đoàn ngoại/ tậu tổ ngoại + địa danh Việt/ thương hiệu Việt. Phân tích hình thức: Áp dụng trật tự cú pháp ngoại ngữ, đưa các từ mang tính chất định vị thương hiệu quốc tế hoặc tính từ ngoại lên làm trung tâm đứng trước, đưa địa danh tiếng Việt về làm thành tố phụ đứng sau. Ví dụ: *Imperial Plaza Giải Phóng, Booyoung Vina Mỗ Lao, Lotte Center Hà Nội, Ecogreen Nguyễn Xiển, ...* Mục đích của cách đặt tên này được xem là giải pháp dung hòa hoàn hảo giữa nhu cầu định vị địa lý bắt buộc tại Việt Nam để người dân biết tòa nhà ở đâu và phần nào đó nâng giá trị cho công trình, tạo cảm giác sang trọng khi ở đó.

3.2.4. Tên gọi sử dụng chữ cái viết tắt và con số

Kiểu đặt tên này chỉ sử dụng ngôn ngữ như một công cụ mã hóa kỹ thuật.

Mô hình cấu tạo: Kí hiệu chữ cái viết tắt loại hình (HH/CT/NO/VP/R/T...) + Mã số tòa nhà (1, 2, 3...) + Kí hiệu phân khu (A, B, C...). Ví dụ: *HH1, HH2, HH3, HH4, A10-A14 Nam Trung Yên, CT36, X1-26, NO-08, CT5X2, ...*

Cách đặt tên theo chữ cái và con số như thế này có ở một số khu đô thị như Linh Đàm, Thanh Hà, Trung Hoà - Nhân Chính, Royal city. Ví dụ:

Ở khu đô thị Linh Đàm, khu vực Bắc Linh Đàm có các toà nhà *Nơ 7, Nơ 8, Nơ 9B, Nơ 10, ...* (Nơ là kí hiệu viết tắt của từ Nhà ở); khu vực Tây Nam Linh Đàm có 12 toà nhà HH gồm: *HH1A, HH1B, HH1C, HH2A, HH2B, HH2C, HH3A, HH3B, HH3C, HH4A, HH4B, HH4C* (HH là tổ hợp chữ cái viết tắt của từ Hỗn hợp).

Ở Khu Royal city các toà nhà có tên: R1, R2, R3, R4, R5, R6. R là chữ cái viết tắt của chữ Royal. Tương tự ở khu Times city thì tên các toà nhà bắt đầu bằng chữ T và đánh số. Hay ở khu Trung Hoà -

Nhân Chính có các toà 24T1, 24T2 là hai toà nhà cao tầng có 24 tầng, lấy số tầng để gọi tên toà nhà và đánh số thứ tự để phân biệt; toà 34T là toà nhà cao nhất 34 tầng là biểu tượng và là toà nhà cao nhất của khu đô thị Trung Hoà Nhân Chính được hoàn thành vào năm 2006.

Với hình thức đặt tên này nhà đầu tư, chủ xây dựng tối giản hóa đến mức tối đa việc đặt tên. Tên gọi không có cấu trúc ngữ pháp thông thường mà vận hành theo logic của toán học và mã số địa chính. Các chữ cái viết tắt là quy ước hành chính của ngành xây dựng: CT (Cao tầng), HH (Hỗn hợp), NO/NO (Nhà ở), VP (Văn phòng). Đây được cho là di sản của tư duy quy hoạch thời kì đầu hoặc áp dụng cho phân khúc nhà ở bình dân, nhà ở xã hội, tái định cư để dễ dàng hơn cho việc phục vụ công tác quản lí hộ khẩu, sổ nhà của cơ quan chức năng, hoàn toàn không có giá trị thẩm mỹ hay quảng bá thương mại.

3.3. Nhân tố xã hội và đặc trưng văn hóa - xã hội, tư duy của tên gọi toà nhà

3.3.1. Chiến lược thương mại hóa và tâm lí thích dùng thương hiệu nước ngoài

Trong nền kinh tế thị trường, tên gọi toà nhà đã biến thành một công cụ marketing đặc lực. Các chủ đầu tư nắm bắt rất rõ tâm lí "sính ngoại" của một bộ phận không nhỏ cư dân đô thị - những người đánh đồng tiếng Anh và các ngôn ngữ phương Tây với sự văn minh, sang trọng và giàu có. Một toà nhà mang tên *The Matrix One* hay *Diamond Flower Tower* lập tức tạo ra một cảm giác tâm lí về một không gian sống thượng lưu, biệt lập và đẳng cấp hơn hẳn so với những cái tên thuần Việt. Việc dùng tiếng Anh ở đây đóng vai trò như một bộ lọc xã hội, định vị giá trị của bất động sản và gián tiếp khẳng định vị thế kinh tế của người sở hữu.

3.3.2. Sự phân tầng xã hội qua cảnh quan ngôn ngữ

Qua việc khảo sát, thống kê và phân tích ở bảng phân chia các kiểu tên gọi toà nhà ở trên cho thấy có một sự phân tầng rất rõ rệt. Toà nhà có phân khúc cao cấp, giá trị căn hộ cao thì tên gọi chủ yếu được đặt tên bằng tiếng Anh, tiếng Pháp (vì có yếu tố quý tộc). Các từ ngữ được lựa chọn để đặt tên luôn gọi lên sự xa hoa (ví dụ: *Royal, Diamond, Gold, Sapphire, Sunshine, Elite*). Qua số liệu khảo sát và phân tích có thể bước đầu khẳng định rằng những khu có phân khúc cao thường đặt tên gọi tiếng Anh, tiếng nước ngoài.

Cũng theo số liệu ở trên, những toà nhà sử dụng tiếng Việt là phân khúc bình dân, nhà ở xã hội: trung thành với tiếng Việt, từ ngữ giản dị, hoặc sử dụng các kí hiệu chữ số viết tắt mang tính kĩ thuật thô ráp (ví dụ: *Chung cư CT1, CT2, HH01, NO-08...*).

Sự phân tầng ngôn ngữ này phản ánh sự phân hóa giàu nghèo và khoảng cách giai tầng ngày càng rõ nét trong lòng đô thị hiện đại.

3.3.3. Hiện tượng "Vô hóa địa danh" (Placelessness) và sự đứt gãy không gian văn hóa

Việc lạm dụng tên gọi ngoại lai đang làm lu mờ, thậm chí xóa sổ các địa danh lịch sử gốc của Hà Nội. Khi một người sống tại vùng đất ngàn năm văn hiến nhưng xung quanh họ lại là *Times City, Ocean Park, Smart City, Splendora...* họ sẽ rơi vào trạng thái "mất định vị văn hóa". Không gian ngôn ngữ bị tách rời khỏi không gian lịch sử - địa lí bản địa, tạo ra những không gian đô thị đồng nhất, vô tính, có thể tìm thấy ở bất kì đâu trên thế giới (*New York, London, Singapore*) chứ không riêng gì Hà Nội. Đây là một sự tổn thương đối với căn tính văn hóa và kí ức đô thị của Thủ đô.

3.4. Đối chiếu thực trạng với Chính sách ngôn ngữ và các Quy định hiện hành

Thực trạng "loạn" tên chung cư tiếng Anh tại Hà Nội phản ánh một khoảng cách rất lớn giữa văn bản pháp lí và thực tế thực thi chính sách ngôn ngữ.

3.4.1. Các quy định pháp lí hiện hành

Hiện nay ở Việt Nam có luật và nghị định quy định về cách đặt tên gọi toà nhà như sau:

Điều c khoản 1 Điều 33 Luật Nhà ở 2023 quy định như sau:

Yêu cầu đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở

c) Dự án đầu tư xây dựng nhà ở, các khu vực trong dự án phải được đặt tên bằng tiếng Việt; đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư thì chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở phải đặt tên bằng tiếng Việt; trường hợp chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư có nhu cầu đặt tên dự án, tên các khu vực trong dự án bằng tiếng nước ngoài thì phải viết tên đầy đủ bằng tiếng Việt

trước, tên tiếng nước ngoài sau. Tên dự án, tên các khu vực trong dự án phải được nêu trong chủ trương đầu tư hoặc nội dung dự án đã được phê duyệt, được sử dụng trong cả quá trình đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng.

Nghị định số 91/2005/NĐ-CP về Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng: Quy định công trình công cộng (bao gồm cả các tòa nhà lớn) phải được đặt tên bằng tiếng Việt, có ý nghĩa lịch sử, văn hóa.

Luật Thủ đô cũng nhấn mạnh việc bảo tồn các giá trị văn hóa Thăng Long - Hà Nội, trong đó ngôn ngữ và địa danh là một phần di sản phi vật thể.

Tuy nhiên, trên thực tế, các chủ đầu tư luôn tìm được "khoảng xám" để lách các quy định này: Khi làm hồ sơ pháp lý, phê duyệt quy hoạch 1/500 với cơ quan nhà nước, dự án luôn mang một cái tên tiếng Việt rất chuẩn mực (Ví dụ: Dự án Khu nhà ở cao tầng X). Nhưng khi đưa ra thị trường, họ tự ý gán cho nó một "Tên thương mại" (Trade name) hoàn toàn bằng tiếng Anh (Ví dụ: *Luxury Apartment*). Tên thương mại này xuất hiện dày đặc trên truyền thông, tờ rơi, và đỉnh điểm là được treo thành những khối chữ LED khổng lồ trên nóc tòa nhà. Cơ quan quản lý thường chỉ kiểm tra tên trên giấy phép xây dựng mà bỏ qua hoặc lúng túng trong việc xử lý tên thương mại trên cảnh quan thực tế, dẫn đến tình trạng vi phạm Luật Quảng cáo một cách công khai nhưng không bị xử lý.

3.4. Kiến nghị đề xuất

Để trả lại sự hài hòa cho cảnh quan ngôn ngữ đô thị Hà Nội, đảm bảo vị thế của ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt, chúng tôi đề xuất một số giải pháp như sau:

1) Luật hóa và cụ thể hóa khái niệm "Tên thương mại" của công trình: Cần bổ sung quy định bắt buộc các dự án bất động sản khi đăng ký tên thương mại phải sử dụng tiếng Việt, hoặc nếu dùng tiếng nước ngoài thì bắt buộc phải có phần định danh tiếng Việt đi kèm với tỉ lệ kích thước theo đúng Luật Quảng cáo.

2) Xây dựng bộ Tiêu chí đặt tên công trình nhà ở đô thị: Khuyến khích các nhà đầu tư khai thác kho tàng địa danh lịch sử, văn hóa, văn học của Thăng Long - Hà Nội. Việc đặt những cái tên như Chung cư Đông Đô, Khu đô thị Tây Hồ, Tòa nhà Khuê Văn... hoàn toàn có thể làm tăng giá trị văn hóa độc bản cho dự án nếu được truyền thông tốt.

3) Tăng cường vai trò giám sát của Hội đồng đặt tên và các nhà ngôn ngữ học: Các cơ quan quản lý đô thị, Sở Quy hoạch - Kiến trúc cần có sự phối hợp chặt chẽ với các chuyên gia ngôn ngữ, văn hóa khi phê duyệt tên gọi các tổ hợp công trình lớn, tránh để không gian công cộng bị thao túng hoàn toàn bởi tư duy thương mại thuần túy.

4. Kết luận

Tên gọi các tòa nhà chung cư tại Hà Nội hiện nay không đơn thuần là câu chuyện của ngôn từ, mà là biểu hiện sinh động của sự xung đột giữa xu thế toàn cầu hóa và nhu cầu bảo tồn bản sắc bản địa. Sự lấn lướt của các tên gọi thuần tiếng Anh ở phân khúc cao cấp phản ánh tâm lý sính ngoại và xu hướng phân tầng xã hội sâu sắc. Đồng thời, nó cũng giống lên hồi chuông cảnh báo về sự lỏng lẻo trong thực thi chính sách ngôn ngữ đô thị. Một Thủ đô văn hiến, hiện đại không thể là một thủ đô có cảnh quan ngôn ngữ chấp vá và đánh mất đi tiếng nói dân tộc trên chính các công trình kiến trúc của mình. Đã đến lúc các cơ quan quản lý cần có những biện pháp quyết liệt để định hình một cảnh quan ngôn ngữ hài hòa, văn minh và đậm đà bản sắc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Trần Tuấn Đạt và các cộng sự (2022), "Đặc điểm ngôn ngữ biển hiệu tại khu vực Phú Mỹ Hưng, thành phố Hồ Chí Minh qua phương diện hình thức biểu đạt và cấu trúc thông tin", *Tạp chí Ngôn ngữ & đời sống*, 3 (323), tr.29-37.
2. Đinh Văn Đức, Vũ Đức Nghiệu & Dương Hồng Nhung (2007), "Một vài nhận xét về ngôn ngữ quảng cáo bằng tiếng Việt trên báo chí cuối thế kỉ XIX và đầu thế kỉ XX", *VNU Journal of Science: Social Sciences and Humanities*, 23 (1).

3. Bùi Thị Hảo (2015), *Ngôn ngữ trên biển hiệu quảng cáo từ góc nhìn văn hóa* (Trường hợp quận Hoàn Kiếm, Hà Nội). (Luận văn thạc sỹ)
4. Nguyễn Thế Hưng (2022), *Phát triển năng lực dạy học đọc hiểu văn bản đa phương thức cho sinh viên sư phạm ngữ văn*, Trường Đại học sư phạm Hà Nội
5. Nguyễn Văn Khang (2012), *Ngôn ngữ học xã hội, Hà Nội*. Nxb Giáo dục Việt Nam
6. Nguyễn Thị Minh Nguyệt (2007), *Một vài nhận xét về đặc điểm hình thức và nội dung ngôn ngữ trên biển hiệu, quảng cáo ở địa bàn Hà Nội* (Luận văn thạc sỹ).
7. Trương Thị Mai (2010), *Nghiên cứu ngôn ngữ quảng cáo trên biển hiệu ở thành phố Vinh* (Luận văn thạc sỹ).
8. Trịnh Cẩm Lan (2014), “Thái độ ngôn ngữ đối với những hiện tượng biến đổi trong tiếng Việt trên mạng Internet hiện nay”, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Tập 30, Số 3 (2014), tr.28-38.
9. Nguyễn Thị Kim Loan (2017), *Nghiên cứu thái độ của người dân ở Hà Nội về ngôn ngữ biển hiệu cửa hàng theo phân tầng xã hội*, Đề tài cấp Bộ, Viện Ngôn ngữ học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam,
10. Trần Thị Phương Lý, Dương Thế Toàn, Lê Hiền My, Đinh Thục Trang, Phùng Diệp Phương Uyên, Nguyễn Trần Tuấn Đạt (2023), “Thái độ ngôn ngữ của người tiếp nhận đối với cảnh quan ngôn ngữ tại đường Bùi Viện, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh”. *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống*, 6(341)-2023.
11. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2018), *Luật quảng cáo*. Ban hành theo văn bản số 47/VBHN – VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018.
12. Nguyễn Thị Minh Tâm & Nguyễn Diệu Hồng & Trần Thị Long (2017), “Khảo sát thực trạng sử dụng tiếng Anh trong các biển hướng dẫn du lịch tại một số điểm du lịch ở miền bắc Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài*, Tập 33, Số 2 (2017) 90-10416.

Tiếng Anh

13. Backhaus, P. (2005), “Signs of multilingualism in Tokyo-A diachronic look at the linguistic landscape”. *International Journal of the Sociology of Language*, 175/176, 103-121.
14. Backhaus, P. (2006), “Multilingualism in Tokyo: a look into the linguistic landscape. In: Gorter, D. ed. *Linguistic landscape: a new approach to multilingualism*”. *Clevedon: Multilingual Matters*, pp.52-65.
15. Backhaus, P. (2007), *Linguistic landscape: A comparative study of urban multilingualism in Tokyo, Clevedon: Multilingual Matters*.
16. Backhaus, P. (2009), Rules and regulations in linguistic landscaping: A comparative perspective, In E. Shohamy, & D. Gorter (Eds.), *Linguistic landscape: Expanding the scenery* (pp.157-172), New York and London: Routledge.
17. Ben-Rafael, E. (2009), A sociological approach to the study of linguistic landscapes, In: Gorter D. & Shohamy E. eds. *Linguistic landscape: expanding the scenery*. New York: Routledge, pp. 189-205.

Building naming in Hanoi: Sociolinguistic perspective

Abstract: This article examines the naming practices of buildings in Hanoi through the lenses of Linguistic Landscape theory, sociolinguistics, and urban toponymy. By surveying and classifying the naming systems of buildings across the capital, the author identifies a shift from purely Vietnamese or Sino-Vietnamese names to foreign ones (predominantly English). This phenomenon—characterized by linguistic borrowing and the widespread adoption of foreign names—reflects not only commercial strategies, a preference for the foreign, and social stratification but also reveals inadequacies and "gray areas" in current language policy implementation and urban management. Consequently, the article proposes solutions to balance integration trends with the preservation of the Capital's cultural and linguistic identity.

Key words: Linguistic landscape; urban toponymy; Hanoi apartment building names; language policy; sociolinguistics.